

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2024/QĐST-DS

N, ngày 20 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Sao

Thư ký phiên họp: Ông Lò Văn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên họp: Ông Phùng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 02/2024/TLST-DS, ngày 28 tháng 8 năm 2024 về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2024/QĐST-DS, ngày 13 tháng 9 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Anh Lò Văn T, sinh năm 1988 và chị Tao Thị Ng, sinh năm 1983 (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Bản S, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện N, tỉnh Điện Biên; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lèng Văn V, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ch (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu ngày 28 tháng 8 năm 2024 và bản tự khai của anh Lò Văn T, chị Tao Thị Ng như sau:

Anh Lò Văn T và chị Tao Thị Ng tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện Mường Nhé (nay là huyện N), tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại bản S, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên; quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc và sinh được 02 người con chung. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 24/3/2006, quyển số 01 năm 2005-2006 của Ủy ban nhân dân xã Ch thì anh T sinh ngày 14/5/1984 nhưng tại

Căn cước công dân của anh T và các giấy tờ tùy thân, thì anh T sinh ngày 14/5/1988. Tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 24/3/2006, chị Ng đã đủ tuổi kết hôn, còn anh T mới hơn 17 tuổi, chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do anh T và chị Ng yêu nhau nên để được kết hôn anh T đã khai sinh ngày 14/5/1984, khi đó chị Ng cũng không biết anh T chưa đủ tuổi kết hôn. Tuy nhiên, ngày tháng năm sinh của anh T ghi trong Giấy chứng nhận kết hôn không đúng với ngày tháng năm sinh thực tế là ngày tháng năm sinh theo căn cước công dân, giấy khai sinh, bằng tốt nghiệp và các giấy tờ tùy thân khác nên anh gặp vướng mắc trong các giao dịch dân sự, thủ tục hành chính. Vì vậy, anh T yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân của anh T và chị Ng kể từ thời điểm anh T đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân xã Ch, ngày 30/8/2024 như sau: Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 24/3/2006, quyển số 01 thể hiện anh Lò Văn T, sinh ngày 14/5/1984. Tại thời điểm kết hôn anh T đã khai không đúng ngày tháng năm sinh, cán bộ hộ tịch không kiểm tra giấy tờ tùy thân của anh T mà chỉ căn cứ vào lời khai của anh T để đăng ký kết hôn là trái pháp luật. Do đó, khi kết hôn anh T chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay anh T và chị Ng cùng có đơn yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận anh T và chị Ng là vợ chồng hợp pháp tại thời điểm anh T đủ tuổi kết hôn, Ủy ban nhân dân xã Ch nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2024 của ông Lò Văn N1 và bà Lò Thị Ph là bố mẹ đẻ của anh Lò Văn T khẳng định: Anh Lò Văn T sinh ngày 14/5/1988. Do anh T và chị Ng yêu nhau khi anh T chưa đủ tuổi kết hôn nên để được đăng ký kết hôn, anh T đã tự khai tăng tuổi của mình là sinh ngày 14/5/1984.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký phiên họp đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về giải quyết việc dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 8, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 2, 3, 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp; các điều 29, 35, 39, 149, 362, 365, 366, 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của anh Lò Văn T và chị Tao Thị Ng, công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Ng kể từ thời điểm anh T và chị Ng đủ tuổi kết hôn là ngày 15/5/2008.

- Về lệ phí: Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T và chị Ng phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn yêu cầu của anh Lò Văn T và chị Tao Thị Ng về việc hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án xác định đây là việc dân sự: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân, theo khoản 1 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về thẩm quyền giải quyết việc dân sự: Anh T và chị Ng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện Mường Nhé (nay là huyện N), tỉnh Điện Biên, được Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên họp, anh T, chị Ng và người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Ch là ông Lèng Văn V đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt các đương sự.

[4] Về nội dung việc dân sự:

Anh Lò Văn T khai ngày tháng năm sinh đúng của anh T là ngày 14/5/1988. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 24/3/2006, do anh chị yêu nhau nhưng anh T chưa đủ tuổi kết hôn nên đã không mang giấy tờ tùy thân và tự khai tăng tuổi là sinh ngày 14/5/1984 và chị Ng cũng không biết anh T chưa đủ tuổi kết hôn. Trên cơ sở giấy tờ tùy thân của anh T gồm: Căn cước công dân, Giấy khai sinh, Bằng tiểu học, Giấy khai sinh của các con anh T và chị Ng, Trích lục cải chính hộ tịch số 178/TLCCHT, ngày 22/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện N và Văn bản của Ủy ban nhân dân xã Ch, lời khai của bố mẹ đẻ anh T có đủ cơ sở xác định Lò Văn T, sinh ngày 14/5/1984 ghi trong Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 24/3/2006 với Lò Văn T, sinh ngày 14/5/1988 tại Căn cước công dân số 011088000831 là một người.

Anh T và chị Ng xác định kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ch, ngày 24/3/2006. Căn cứ vào ngày tháng năm sinh của anh T tại thời điểm đăng ký kết hôn anh T chưa đủ tuổi kết hôn (anh T mới 17 tuổi 10 tháng 10 ngày), theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy, anh T đã vi phạm về độ tuổi kết hôn, Ủy ban nhân dân xã Ch không kiểm tra giấy tờ tùy thân mà đã đăng ký kết hôn cho anh T và chị Ng là trái pháp luật. Do đó, anh T và chị Ng yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ. Tuy nhiên, anh T và chị Ng đồng thời có yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn. Xét thấy, anh T và chị

Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, chung sống hạnh phúc từ đó đến nay, đã có 02 con chung. Anh chị đã có đủ các điều kiện kết hôn theo Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTT ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, không cần tuyên hủy kết hôn trái pháp luật mà công nhận quan hệ hôn nhân của anh T và chị Ng kể từ thời điểm anh T đủ tuổi kết hôn.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T và chị Ng phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Anh T, chị Ng, Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện N có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên có quyền kháng nghị theo quy định tại Điều 371 và 372 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 149, khoản 2, 3 Điều 367, 370, 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 6 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 10, khoản 1, 2, 3 Điều 11, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 2, khoản 1, 2 Điều 3, điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTT ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu của anh Lò Văn T và chị Tao Thị Ng về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh T và chị Ng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34, ngày 24/3/2006 của Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện Mường Nhé (nay là huyện N), tỉnh Điện Biên.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Lò Văn T, sinh ngày 14/5/1988 và chị Tao Thị Ng sinh ngày 18/7/1983, kể từ thời điểm anh T đủ tuổi kết hôn là ngày 15/5/2008.

3. Về lệ phí sơ thẩm: Anh T và chị Ng phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh

Điện Biên, theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số 0001805, ngày 28 tháng 8 năm 2024.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Anh Lò Văn T, chị Tao Thị Ng và Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện N có quyền kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân huyện N có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- Người yêu cầu;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Ch (Nơi ĐKKH);
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Thị Sao